Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 16.08.2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 288 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2019*

BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trong xây dựng nông thôn mới

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG

1. Bối cảnh

Tây Ninh là tỉnh biên giới thuộc vùng Đông Nam bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giáp ranh biên giới nước bạn Camphuchia, có đường biên giới dài 240 km, có 02 cửa khẩu quốc tế (Mộc Bài, Xa Mát); 04 cửa khẩu chính; 10 cửa khẩu phụ; ngoài ra, Tỉnh có đường Xuyên Á kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ, Tây Nam Bộ và các nước khối ASEAN là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động.

Hiện nay, Việt Nam đang hội nhập hội nhập sâu rộng với các nước trong khu vực và quốc tế, chất lượng, nhu cầu nguồn nhân lực ngày càng là thách thức lớn, đòi hỏi công tác đào tạo nghề phải đa dạng, đáp ứng nhu cầu học nghề để người lao động tự tìm việc có việc làm nâng cao thu nhập trong bối cảnh hội nhập là điều kiện cần thiết.

Trong thời gian tới cũng không ít những khó khăn, phức tạp và thách thức cho người lao động tìm được việc làm nếu như không có tay nghề. Việc mở rộng quy mô đào tạo nghề cho người lao động, phục vụ có hiệu quả việc chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn, tạo nhiều việc làm có thu nhập cao, cải thiện đời sống cho người lao động; giảm nghèo bề vững, đảm bảo an sinh xã hội là điều tất yếu hiện nay.

2. Điều kiện hiện tại

- Tây Ninh có diện tích tự nhiên 4.041,3 km^2, số đơn vị hành chính có 01 thành phố và 8 huyện với 95 xã, phường, thị trấn.

- Dân số trung bình là 1.126.179 người, mật độ dân số 278,7 người/ km^2; tổng số lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh là 514.698 người; tổng số lao động nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh là 207.281 người; tổng số lao động đang làm việc trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp là 35.323 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2010: 45%; năm 2015: 60,52%; năm 2016: 62,31%, năm 2017: 64,02%, năm 2018: 66,28%.

- Trên địa toàn tỉnh có 22 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó: loại hình công lập 16 cơ sở; loại hình tư thục 06 cơ sở. Cụ thể:

+ Trường cao đẳng: 01 (công lập: 01 trường Cao đẳng nghề Tây Ninh)

+ Trường trung cấp: 05 (công lập: 03 trường Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh, Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Tây Ninh, Trung cấp Y tế Tây Ninh; 02 trường tư thục: Trung cấp Tân Bách Khoa, Trung cấp Á Châu).

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp: 09 (công lập cấp huyện: 09).

+ Doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp: 04 doanh nghiệp (Trung tâm lái xe Thành Đạt, Trung tâm đào tạo lái xe ô tô Tây Ninh, Công ty cổ phần Doanh nhân Tây Ninh, Công ty cổ phần đầu tư phát triển và giáo dục TPA).

+ Cơ sở khác tham gia đào tạo: 03 (Trung tâm Dịch vụ việc làm Tây Ninh, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm học tập sinh hoạt thanh thiếu nhi Tây Ninh).

3. Mục tiêu đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020

Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 15/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020, trong đó: Phấn đấu đào tạo cho khoảng 25.000 lao động nông thôn được học nghề (8.750 người học nghề nông nghiệp; 16.250 người học nghề phi nông nghiệp); đặt hàng dạy nghề khoảng 600 người thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế. Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề trong giai đoạn này tối thiểu đạt 70%.

Quyết định số 3253/QĐ-UBND Ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020, trong đó: Phấn đấu đào tạo cho khoảng 17.800 lao động (12.880 người học nghề nông nghiệp; 4.920 người học nghề phi nông nghiệp); đặt hàng dạy nghề khoảng 800 người thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2020

1. Kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.1 Kết quả

**** Giai đoạn 2010-2015:***

- Tổ chức đào tạo được 904/854 lớp, đạt 105 % so với kế hoạch.

- Tổng số lao động nông thôn tham gia học nghề: 28.005/26.714 người, đạt 104 % so kế hoạch.

**** Giai đoạn 2016-2018:***

- Tổ chức đào tạo được 415/407 lớp, đạt 102 % so với kế hoạch.

- Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo chính sách của Đề án 1956 là 12.844/12.908 người đạt 99% so với kế hoạch.

**** 6 tháng đầu năm 2019, ước thực hiện năm 2019:***

- 6 tháng đầu năm 2019: Hiện các huyện, thành phố đang triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019, đã tổ chức đào được 15 lớp (440 người) / 129 lớp (4.205 người) so với kế hoạch đạt 11,62%

- Ước thực hiện năm 2019: Số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề là 4.205 người (129 lớp), đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch.

**** Dự kiến năm 2020:***

Dự kiến đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh là 111 lớp với 3.615 lao động học nghề (Nghề nông nghiệp: 72 lớp/ 2.700 lao động; nghề phi nông nghiệp: 39 lớp/915 lao động).

Trong đó:

+ Đào tạo cho lao động ở các doanh nghiệp nông nghiệp: 1.250 người;

+ Đào tạo cho các thành viên hợp tác xã, lao động thực hiện các dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp: 500 người;

+ Đào tạo cho an sinh xã hội nông thôn: 950 người.

1.2 Hiệu quả

**** Giai đoạn 2016-2018:***

Tổng số lao động nông thôn đã học nghề xong là 12.844 người (đạt 100%), số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề là 10.814 người (đạt 84%); được doanh nghiệp, HTX tuyển dụng: 425 người; tự tạo việc làm: 10.354 người; tham gia Tổ hợp tác, HTX: 101 người.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 về Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức xã giai đoạn 2012 – 2015; Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 về Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định 1956/QĐ-TTg. Hàng năm, Sở Nội vụ chủ trì tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch theo từng năm.

Kết quả thực hiện: Sở Nội vụ đã phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài tỉnh tổ chức được 74 lớp, với 5.996 cán bộ, công chức cấp xã tham dự. Tổng kinh phí đã thực hiện giai đoạn 2010 - 2018 là: 4.421.494.950 đồng.

Mặt được:

Nhìn chung, qua các lớp bồi dưỡng trao dồi kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được nâng lên rõ rệt, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn cũng như nhiệm vụ đặt ra. Bên cạnh công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác tuyên truyền xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới cũng được quan tâm, góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Qua đó, tạo được sự đồng thuận cao giữa cấp ủy Đảng, chính quyền và Nhân dân góp phần thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Hạn chế, tồn tại:

Một số đơn vị có vị trí địa địa lý xa nên việc tập trung cán bộ, công chức học tập bồi dưỡng còn gặp khó khăn.

Công tác lập kế hoạch đào tạo năm trước đến thời điểm mở lớp chậm nên có sự thay đổi về đối tượng tham gia học tập bồi dưỡng (kinh phí phân bổ hằng năm thuộc chương trình này vào cuối quý I đầu quý II) nên gặp khó khăn trong triển khai thực hiện.

3. Nguồn lực thực hiện: Ngân sách nhà nước

- Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2010-2015 là 57.202 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 44.254 triệu đồng, ngân sách địa phương: 12.948 triệu đồng). Trong đó chia từng nội dung hoạt động cụ thể:

+ Tuyên truyền, tư vấn học nghề: 225 triệu đồng (NSTW).

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề: 10.939 triệu đồng (NSTW).

+ Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: 31.968 triệu đồng (NSTW); 12.948 triệu đồng (NSĐP).

+ Kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề: 1.122 triệu đồng (NSTW).

- Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2016-2018 là 30.136 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 20.366 triệu đồng, ngân sách địa phương: 9.770 triệu đồng). Trong đó chia từng nội dung hoạt động cụ thể:

+ Tuyên truyền, tư vấn học nghề: 226 triệu đồng (NSTW).

+ Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý: 31 triệu đồng (NSTW).

+ Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: 19.391 triệu đồng (NSTW); 9.770 triệu đồng (NSĐP).

+ Kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề: 718 triệu đồng (NSTW).

- Ước kinh phí thực hiện năm 2019 11.735 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 8.140 triệu đồng, ngân sách địa phương: 3.595 triệu đồng). Trong đó chia từng nội dung hoạt động cụ thể:

+ Tuyên truyền, tư vấn học nghề: 80 triệu đồng (NSTW).

+ Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý: 80 triệu đồng (NSTW).

+ Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: 3.700 triệu đồng (NSTW); 3.595 triệu đồng (NSĐP).

+ Kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề: 280 triệu đồng (NSTW).

+ Hỗ trợ đầu tư mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề: 4.000 triệu đồng (NSTW).

- Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2020 là 12.670 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 8.670 triệu đồng, ngân sách địa phương: 4.000 triệu đồng). Trong đó chia từng nội dung hoạt động cụ thể:

+ Tuyên truyền, tư vấn học nghề: 80 triệu đồng (NSTW).

+ Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý: 90 triệu đồng (NSTW).

+ Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: 4.000 triệu đồng (NSTW); 4.000 triệu đồng (NSĐP).

+ Các hoạt động khác: 500 triệu đồng (NSTW).

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2020

1. Về công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và và hệ thống cơ quan tham mưu, giúp việc tổ chức quản lý và triển khai thực hiện

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"; Công văn số 175-CV/TU ngày 21/10/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 21/5/2010 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg tỉnh Tây Ninh và Tổ chuyên viên giúp việc, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Phó Ban thường trực, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan là thành viên, ngoài ra 9/9 huyện, thành

phố cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg trên địa bàn huyện, thành phố.

Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tại Quyết định số 1259/QĐ-BCĐ ngày 15/7/2010 và Quyết định số 840/QĐ-BCĐ ngày 13/4/2017. Ban Chỉ đạo có chức năng tham mưu, tổng hợp, điều phối, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và thực hiện quan điểm, mục tiêu, kế hoạch, chương trình và các biện pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh, trong quá trình thực hiện tùy vào tình hình thực tế kịp thời tham mưu cũng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các ngành có liên quan, chỉ đạo các huyện, thành phố thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng cho lao động nông thôn theo yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương, đồng thời tập trung rà soát các ngành nghề nào phù hợp, ngành nghề không phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đề xuất, bổ sung hoặc loại ra các nghề theo nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn. Tùy theo tình hình thực tế nhu cầu học nghề tại địa phương, tỉnh tổng hợp bổ sung ngành nghề mới vào danh mục nghề đào tạo. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 16/4/2012, Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 06/5/2015 và Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 về việc phê duyệt danh mục nghề và định mức chi phí đào tạo nghề cho người khuyết tật và lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2016 đến nay.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND Ngày 15/01/2011 về việc Ban hành Đề án đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 về việc ban hành kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 -2020. Hằng năm Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như: Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp thực hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg tại địa phương. Cụ thể hóa trách nhiệm của từng đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch đào tạo nghề lao động nông thôn (LĐNT) theo Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTT&TT ngày 12/12/2012. *(Kèm Phụ lục văn bản).*

2. Về ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương

Ngoài các quy định chính sách hỗ trợ của trung ương, địa phương ban hành một số chính sách gồm các văn bản sau:

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 34/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 về Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 35/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 về điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ tiền ăn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015-2020 theo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Quyết định số 80/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 về điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ tiền ăn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015-2020 theo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 về Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 về Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề tại địa phương áp dụng qua nhiều hình thức tổ chức đào tạo nghề được đa dạng hóa phù hợp với nhu cầu của người học và đặc điểm tình hình của địa phương, trang bị cho lao động nông thôn có tay nghề, am hiểu khoa học kỹ thuật, có thể tự tạo việc làm hoặc tìm việc làm cho bản thân giúp tăng thu nhập, ổn định cuộc sống, góp phần nâng cao tỉ lệ lao động đã qua đào tạo, lao động trong độ tuổi có việc làm ổn định, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn; góp phần thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tại địa phương.

Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng lao động nông thôn, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh cuối năm 2018 đạt 66,28%.

3. Việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

3.1. Điều tra, khảo sát, phê duyệt danh mục đào tạo nghề nghiệp, phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề nghiệp

Năm 2010, Tỉnh Tây Ninh tổ chức điều tra, khảo sát thực hiện theo Kế hoạch số 2420/KH-UBND ngày 24/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Qua kết quả điều tra, khảo sát tại 223.645 hộ gia đình với 844.507 nhân khẩu, số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 590.544 người. Trong đó, có 27.318 lao động trong độ tuổi có nhu cầu học nghề chiếm 4,63% số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động thuộc diện điều tra là 590.544 người.

Số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề phân bố theo nghề nông nghiệp: 46,98%; nghề phi nông nghiệp: 53,02%. Tỷ lệ lao động có nhu cầu học nghề thấp, theo đánh giá ban đầu do: Còn một số ít lao động nông thôn bằng lòng với công việc thuộc lĩnh vực nông nghiệp nên không có nhu cầu học nghề. Bên cạnh đó, người lao động nông thôn ở một vài địa phương chưa hiểu nhiều về học nghề, nhất là chính sách hỗ trợ dạy nghề của nhà nước. Do thực

hiện tổng điều tra, thời gian điều tra ngắn nên năng lực tư vấn học nghề của một số điều tra viên còn hạn chế, làm ảnh hưởng đến kết quả điều tra.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Lao động động – Thương binh và Xã hội cập nhật thông tin từ thực tế nhu cầu học các nghề mới. Thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn. Qua thực hiện rà soát, hiện nay danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh gồm 124 nghề (Nông nghiệp 42 nghề; Phi nông nghiệp 82 nghề). Tuy nhiên, Tỉnh mới ban hành Quyết định phê duyệt định mức chi phí đào tạo cho 77 nghề tại địa phương.

Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg, thường xuyên hướng dẫn Ban Chỉ đạo huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, triển khai đăng ký nhu cầu học nghề của lao động nông thôn hàng năm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời gắn với quy hoạch nông thôn mới của địa phương.

3.2. Tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Hàng năm Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tây Ninh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng nhiều hình thức về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, vai trò, vị trí của đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập để lao động nông thôn biết và tích cực tham gia học nghề. Tổ chức tuyên truyền trực tiếp thông qua các buổi khai giảng, bế giảng, kiểm tra cuối khóa lớp học, đây là một hình thức tuyên truyền trực tiếp và hiệu quả. Tuyên truyền phát sóng trên hệ thống truyền thanh huyện đến các Trạm Truyền thanh xã, thị trấn và các cụm loa truyền thanh ấp, khu phố kết quả đã tuyên truyền 1.456 cuộc với tổng thời lượng khoảng 9.056 phút. Tổ chức tuyên truyền trực tiếp thông qua các buổi khai giảng, bế giảng, kiểm tra cuối khóa học được 2.962 cuộc, với khoảng 120.468 lượt người tham dự.

Hội Nông dân tỉnh phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị, đoàn thể từ cấp tỉnh, huyện, thành phố đến cấp xã thực hiện công tác tuyên truyền, vận động lao động nông thôn tham gia học nghề, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, hộ chính sách, hộ dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác, bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú. Tổ chức 40 lớp tập huấn cán bộ hội, đoàn thể về công tác tuyên truyền đào tạo nghề cho lao động nông thôn; in 25.450 cuốn Cẩm nang nông dân học nghề, 1.000 cuốn Sổ tay đào tạo nghề, 7.000 tờ rơi tuyên truyền đào tạo nghề cho nông dân cấp phát cho cán bộ, hội viên, nông dân và các ngành liên quan. Phối hợp với Báo Tây Ninh thực hiện 5 phụ trương; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện 04 phóng sự tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

3.3. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý

Trong 04 năm 2011 – 2014 bố trí cho 35 cán bộ quản lý dạy nghề tham dự các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ do Tổng cục Dạy nghề tổ chức, 60 cán bộ, giáo

viên tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng dạy nghề. Năm 2018, tỉnh tổ chức 02 lớp tập huấn nghiệp vụ nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác đào tạo nghề lao động nông thôn với số lượng 230 học viên là cán bộ quản lý đào tạo nghề cấp huyện, xã, và các giáo viên tại các Trung tâm GDNN-GDTX tham gia.

Ngoài đội ngũ giáo viên dạy nghề cơ hữu thuộc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) công lập, các cơ sở GDNN tư thục. Tỉnh Tây Ninh còn huy động thêm các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, nông dân sản xuất giỏi, người có tay nghề cao tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Ngoài ra, người dạy nghề từ các cơ sở dạy nghề (kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, nông dân sản xuất giỏi, người có tay nghề cao) hàng năm được cử tham gia các khóa đào tạo kỹ năng dạy nghề.

3.4. Phát triển xây dựng chương trình, giáo trình

Chương trình đào tạo: Giai đoạn 2010-2015 chủ yếu dựa trên bộ chương trình, giáo trình đã thực hiện theo Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp thực tế tại địa phương. Các cơ sở dạy nghề đã xây dựng, tự biên soạn, ban hành chương trình để phục vụ cho công tác dạy nghề tại địa phương.

Giai đoạn 2016-2018, chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp thực hiện theo Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; đào tạo thường xuyên thực hiện theo Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên.

Chất lượng chương trình, giáo trình dạy nghề đảm bảo khối lượng kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, phù hợp với người học, được áp dụng cho nhiều đối tượng, nhiều trình độ khác nhau, đảm bảo thời gian đào tạo, trong đó chủ yếu tập trung vào kỹ năng thực hành để người học sau khi học xong có thể ứng dụng vào thực tế.

3.5. Kết quả đầu tư và hiệu quả sử dụng việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề đã được đầu tư, việc điều chuyển thiết bị không hiệu quả

Số cơ sở dạy nghề (CSDN) đã được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề 04 năm (2011-2014): 10 cơ sở. Trong đó:

9 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện: 9 tỷ đồng/9 trung tâm. Đơn vị chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh.

Trường Trung cấp nghề Khu vực Nam Tây Ninh: 3 tỷ đồng. Đơn vị chủ đầu tư: Trường Trung cấp nghề Khu vực Nam Tây Ninh.

Tổng kinh phí thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trong 5 năm (2010-2014): 10.938.499.998 *(kinh phí Trung ương).*

Việc đầu tư đảm bảo đúng quy trình, thủ tục giao nhận và nghiệm thu thực hiện theo quy định.

Năm 2019, tỉnh Tây Ninh được trung ương phân bổ đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 02 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên Hòa Thành và Trảng Bàng, mỗi trung tâm 02 tỷ đồng. Tỉnh đang triển khai thực hiện.

3.6. Mô hình điển hình trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Năm 2018, Trung tâm Khuyến nông thực hiện 05 lớp mô hình đào tạo nghề nông nghiệp cho 175 lao động nông thôn. Trong đó: Kỹ thuật chăn nuôi bò và phòng trị bệnh cho trâu, bò (an toàn sinh học): 01 lớp (35 lao động); Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm (VietGAHP): 01 lớp (35 lao động); Kỹ thuật trồng rau an toàn (VietGAP): 01 lớp (35 lao động); Kỹ thuật trồng lúa (VietGAP): 02 lớp (70 lao động).

Tại Huyện Hòa Thành: Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn có hiệu quả nhờ UBND các xã khảo sát nắm chắc nhu cầu học nghề của các lao động nông thôn và xác định rõ nơi làm việc và mức thu nhập cao hơn sau khi học nghề như mô hình nấu ăn; chăn nuôi bò ở xã Long Thành Bắc; các tổ hợp may gia công; các tổ hợp đan lát ở xã Trường Đông.

Tại Huyện Gò Dầu có các mô hình như:

- Mô hình trồng bắp: tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau học nghề đạt 90%, đa số chuyển đổi sang sản xuất bắp giống đạt hiệu quả cao, lợi nhuận 40-50 triệu đồng/ha/vụ.

- Mô hình kỹ thuật trồng lúa: tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau học nghề đạt 100%, trong đó mô hình sản xuất lúa giống đã ổn định việc làm cho các học viên sau học nghề, nông dân sản xuất chuyển đổi từ sản xuất lúa thương phẩm sang sản xuất lúa giống có ký kết bao tiêu đầu ra ổn định.

- Mô hình trồng cây ăn quả: tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau học nghề đạt 90%, đa số nông dân nắm bắt kỹ thuật phòng trị bệnh hiệu quả, số hộ dân mạnh dạn ký kết hợp đồng với nhà máy Tanifood.

- Mô hình trồng rau an toàn: tỷ lệ có việc làm 80%, học viên sau học nghề đều ổn định sản xuất và nâng cao kiến thức sản xuất rau theo hướng an toàn, sạch, công nghệ cao.

- Mô hình may công nghiệp : tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau học nghề đạt 80%. Học viên sau khi học nghề tham gia tổ hợp tác may công nghiệp (nhận hàng gia công cho công ty), có 05 tổ (xã Thạnh Đức: 3 tổ, xã Hiệp Thạnh: 2 tổ).

3.7. Kết quả thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Trong những năm qua, tỉnh Tây Ninh thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn về công tác này đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cộng đồng xã hội về chủ trương của đảng chính sách nhà nước, được sự đồng tình hưởng ứng của người lao động nông

thôn tạo được nguồn nhân lực có tay nghề áp dụng thực tiễn tham gia vào quá trình lao động sản xuất, nắm bắt kịp tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần chung cho sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

3.8. Kiểm tra, giám sát

Hàng năm, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Thường trực BCĐ 1956 tỉnh) tham mưu UBND tỉnh tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát gồm các sở, ngành, đoàn thể là thành viên trong BCĐ 1956 tỉnh đến kiểm tra nắm thực tế tình hình thực hiện, kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đồng thời, chỉ đạo các huyện, thành phố, các phòng chuyên môn huyện, thành phố có liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất các lớp đào tạo nghề để nắm thực tế tình hình học viên, thời gian khai giảng, bế giảng; đội ngũ giáo viên; chương trình, giáo trình; trang thiết bị dạy học; vật tư, dụng cụ thực hành; tiến độ giảng dạy, thời gian đào tạo; kiểm tra chứng chỉ; việc quản lý biểu mẫu, sổ sách, quản lý dạy và học trong quá trình tổ chức thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo nghề.

3.9. Chế độ báo cáo

Thực hiện chế độ báo cáo Định kỳ hằng quý, năm hoặc đột xuất Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đầy đủ, kịp thời cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4. Về kết quả thực hiện từng tiêu chí nông thôn mới

Trong 3 năm 2016, 2017, 2018 về tiêu chí số 14.3 "Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo" trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau: Năm 2016, có 42/80 xã trong tỉnh được công nhận đạt tiêu chí 14.3; Năm 2017, có 55/80 xã trong tỉnh được công nhận đạt tiêu chí 14.3; Năm 2018, có 65/80 xã trong tỉnh được công nhận đạt tiêu chí 14.3; Giai đoạn 2019-2020, dự kiến 78/80 xã trong tỉnh được công nhận đạt tiêu chí 14.3.

IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN; ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo và điều hành công tác này được thuận lợi, đảm bảo tính pháp lý vào thực tế nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, công tác phối hợp của các cơ quan đơn vị, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện,

thành phố, Ủy ban nhân dân các xã. Sự đồng tình ủng hộ của lao động nông thôn qua 10 năm triển khai thực hiện Đề án 1956 trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được một số kết quả nhất định. Trang bị cho lao động nông thôn có tay nghề, am hiểu được khoa học kỹ thuật; việc tổ chức dạy nghề ngay tại cơ sở đã tạo điều kiện, giúp nông dân theo học thuận lợi trong thời gian nhàn rỗi, tạo thêm phần thu nhập chính đáng để phát triển kinh tế gia đình.

Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có nơi, có lúc chưa được đồng bộ, chưa chặt chẽ. Cán bộ làm công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn cấp huyện, xã còn phụ trách nhiều nhiệm vụ khác nên có lúc quản lý chưa sâu sát, chưa kịp thời. Một số địa phương chưa làm tốt vai trò trong khảo sát, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát đánh giá đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đó chưa phát huy việc đào tạo nghề gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động; nhiều nơi còn lúng túng trong việc chọn ngành nghề gắn với xã nông thôn mới, chưa quan tâm quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, chưa xây dựng kế hoạch để đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ, đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội.

2. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập đối với việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

2.1. Điều tra, khảo sát, phê duyệt danh mục đào tạo nghề nghiệp, phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề nghiệp

- Công tác điều tra khảo sát

+ Sự phối kết hợp với các cơ quan, đoàn thể liên quan về công tác điều tra, khảo sát không được bố trí kinh phí nên gặp rất nhiều khó khăn trong vận động lồng ghép cùng với cuộc điều tra, cập nhật cung - cầu lao động trên địa bàn để cập nhật thông tin dẫn đến việc nguyện vọng và nhu cầu học nghề nghề của người lao động chưa xác thực tế.

- Công tác phê duyệt danh mục đào tạo nghề nghiệp

+ Nhu cầu học nghề của lao động rất đa dạng, không tập trung dẫn đến việc lựa chọn ngành nghề theo học còn bất cập trong việc chiêu sinh đủ học viên theo học cùng một nghề. Tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt danh mục nghề và định mức chi phí đào tạo nghề cho người khuyết tật và lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh 77 nghề, thực tế chỉ đào tạo 31 nghề đạt 40% danh mục được ban hành.

- Công tác phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề nghiệp: Định mức chi phí đào tạo cho một nghề thường xuyên thay đổi theo giá cả thị trường nên gặp khó khăn nhất định trong việc hợp đồng các cơ sở đào tạo khi thực hiện cho các lớp ở vùng sâu, vùng xa.

2.2. Công tác tuyên truyền, vận động, truyền thông về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Thuận lợi: Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp các ngành đoàn thể chính trị xã hội, công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn ngày càng sâu rộng, hình thức tuyên truyền cũng đa dạng và phong phú. Tạo được sự đồng thuận mọi tầng lớp nhân dân lao động tham gia học nghề trang bị cho bản thân có kỹ năng tay nghề phục vụ cho phát triển kinh tế hộ gia đình và cho cộng đồng xã hội. Chất lượng cuộc sống được nâng lên rõ rệt trong thời gian qua, góp phần xóa đói giảm nghèo bề vững trong tương lai.

Khó khăn: Việc tổ chức tuyên truyền chưa được thường xuyên và liên tục, chỉ thực hiện theo kế hoạch kinh phí tuyên truyền hằng năm.

Nguyên nhân: Kinh phí tuyên truyền hàng năm được phân bổ theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới còn chậm nên công tác triển khai cũng phần nào ảnh hưởng.

Đội ngũ làm công tác tuyên truyền chưa nắm vững kiến thức về chế độ, chính sách của Nhà nước đối với lao động nông thôn học nghề, chưa nắm thông tin về nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp định tiêu thụ sản phẩm để tư vấn kịp thời cho người lao dộng trên địa bàn.

Đề xuất: Thông báo kinh phí ngay từ đầu năm để xây dựng kế hoạch thực hiện. Mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác tuyên truyền viên nhằm cập nhật thông tin kịp thời.

2.3. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý đào tạo nghề

Thuận lợi: Đội ngũ giáo viên tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn đa số các ngành nghề đào tạo trình độ dưới 3 tháng nên việc truyền đạt kiến thức thông qua thực hành không nặng về lý thuyết đây cũng là thuận lợi đối với đội ngũ giáo viên hiện nay. Cán bộ làm công tác dạy nghề đa số bằng kinh nghiệm thực tiễn chưa qua lớp bồi dưỡng kỹ năng quản lý nghề nghiệp.

Khó khăn: Nhìn chung việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn đa số các Trung tâm GDNNGDTX và các cơ sở, doanh nghiệp có tham gia đào tạo nghề không có giáo viên cơ hữu, đều hợp đồng thỉnh giảng từ các trường trung cấp, cao đẳng hoặc cán bộ làm việc tại các trung tâm, chi cục có chứng chỉ sư phạm tham gia vào quá trình đào tạo, các giáo viên nghỉ hưu và những giáo viên làm việc tự do.

Cán bộ quản lý Giáo dục nghề nghiệp chưa được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, không am hiểu về sư phạm làm ảnh hưởng đến công tác kiểm tra giám sát hoặc tham mưu chiến lược về giáo dục nghiệp những năm tiếp theo.

Đề xuất: Cần bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý dạy nghề các cấp và các cơ sở tham gia đào tạo nghề.

Cần có quy định cụ thể đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đăng ký hoạt động đào tạo nghề, cần có giáo viên cơ hữu tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Hiện nay chính sách không quy định như: các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh các trung tâm khuyến nông - lâm ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2.4. Phát triển chương trình, giáo trình

Thuận lợi: Hiện nay các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề trên địa bàn đã quan tâm đến việc nâng cao chất lượng chương trình, giáo trình đào tạo nghề lao động nông thôn. Chất lượng chương trình, giáo trình dạy nghề đảm bảo khối lượng kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, phù hợp với người học, được áp dụng cho nhiều đối tượng, nhiều trình độ khác nhau, đảm bảo thời gian đào tạo, trong đó chủ yếu tập trung vào kỹ năng thực hành để người học sau khi học xong có thể ứng dụng vào thực tế. Hình thức tổ chức đào tạo nghề được đa dạng hóa phù hợp với nhu cầu của người học và đặc điểm tình hình của địa phương.

Hạn chế: Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn chủ yếu thực hành vì đa số lao động tham gia học nghề trình độ thấp có thành phần học viên không biết tiếng việt (người đồng bào dân tộc, việt kiều Khơ me định cư ...) nên ít nhiều ảnh hưởng đến truyền đạt từ giáo viên cho học viên nắm vững về lý thuyết.

2.5. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề của các nghề đã được đầu tư, việc điều chuyển thiết bị đào tạo nghề không hiệu quả

Thuận lợi: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo các ngành nghề được cấp phép hoạt động.

Khó khăn: Năm 2011, các trung tâm giáo dục thường xuyên huyện, thành phố được trang bị thiết bị đào tạo nghề cho lao động nông thôn, một số ngành nghề thay đổi nên dẫn đến thiết bị có đầu tư nhưng không sử dụng.

Giải pháp: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối kết hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra tình hình sử dụng các thiết bị đào tạo không có nhu cầu sử dụng để điều chuyển cho các trường, các đơn vị khác trên địa bàn để sửng dụng trong thời gian tới.

2.6. Triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Thuận lợi: Chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội. Trang bị cho người lao động có tay nghề, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, tự tìm việc làm nâng cao năng suất trong sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập đảm bảo chất lượng cuộc sống cho người lao động, đồng thời rút ngắn khoảng cách thành thị và nông thôn về trình độ tay nghề trong môi trường làm việc.

Góp phần chung với các chương trình khác như: Xây dựng nông thôn mới, khuyến công, khuyến nông...; công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã hướng tới đào tạo theo nhu cầu của người học gắn với việc làm thực tiễn cho lao động nông thôn.

Khó khăn: Ngoài những thuận lợi nêu trên trong quá trình thực hiện nội dung, "tổ chức đào tạo nghề khi xác định được nơi làm việc; không tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi không dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập cho người lao động sau học nghề". Tất cả học viên điều cam kết trước khi học như qua kết quả kiểm tra giám sát nội dung này không đạt theo yêu cầu.

Công tác điều tra khảo sát và lập kế hoạch từ năm trước đến khi mở lớp thường là một năm sau đó nên việc thay đổi đối tượng đăng ký ban đầu.

Trình độ học viên không đồng đều, có trường hợp mù chữ, không biết tiếng việt...Thời gian học phụ thuộc vào giờ rỗi của lao động nông thôn là do phần lớn học viên đều là lao động chính phải đi làm thuê mướn thời vụ không ổn định.

Đối tượng ưu tiên thuộc nhóm 1 như hộ nghèo, hộ chính sách, hộ mất đất, ... tham gia học nghề quá ít, nhất là ưu tiên dành 10% kinh phí cho đối tượng người khuyết tật nhưng rất ít người học.

Công tác chuyển đổi ngành nghề từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn như đa số làm nông nghiệp nên việc chuyển đổi nghề nghiệp cần có lộ trình và thời gian. Thời gian qua tỷ lệ lao động học các ngành nghề phi nông nghiệp, một bộ phận học viên không gắn bó với nghề đã được đào tạo.

2.7. Việc bố trí và huy động nguồn lực thực hiện

Hằng năm, khi có kinh phí được ngân sách Trung ương phân bổ, địa phương đồng thời bố trí từ ngân sách tỉnh theo kế hoạch được phê duyệt để thực hiện. Thời gian qua trên địa bàn tỉnh chỉ huy động từ nguồn kinh phí xã hội đóng góp được 34.365.000 đồng để đào tạo cho 265 lao động..

Hạn chế: Việc huy động thêm các nguồn lực bên ngoài để tham gia hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn rất thấp chưa thực hiện được.

2.8. Việc xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Mô hình đào tạo nghề tập trung theo địa bàn dân cư, phương pháp giảng dạy áp dụng giữa lý thuyết và thực hành tại nơi sản xuất. Cụ thể: Mô hình hình trồng lúa, nuôi cá nước ngọt, mô hình liên kết may gia công và mô hình nấu ăn...

Hạn chế: Chưa xây dựng và thực hiện được mô hình gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

2.9. Việc thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Ngoài chính sách Trung ương hỗ trợ, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho lao động nông thôn tiền ăn, đi lại khi tham gia học nghề; hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm sau khi học nghề. Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2015 và 2016-2018 đã dần đi vào cuộc sống. Các đối tượng chính như bộ đội xuất ngũ, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người có công cách mạng, người thuộc hộ nghèo, phụ nữ, lao động nông thôn khác... được nhà nước hỗ trợ học nghề, tạo điều kiện có được nghề

nghiệp phù hợp với khả năng, sức lao động…từ đó giúp cho lao động nông thôn có việc làm, cải thiện đời sống, có thu nhập cho bản thân và gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo, hạn chế tệ nạn xã hội ở địa phương.

2.9. Việc kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo

Hàng năm, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg phối hợp với các sở, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đồng thời thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ đúng quy định.

3. Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng người lao động tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, giúp lao động có thêm điều kiện phát triển kinh tế xã hội. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đối với tiêu chí 14.3 của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới đạt và vượt chỉ tiêu đặt ra.

4. Công tác huy động và sử dụng nguồn lực

Đối với công tác huy động và sử dụng nguồn lực cho việc thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg từ tỉnh đến cấp các huyện, thành phố và cấp xã để thực hiện đề án. Cơ cấu thành phần tham gia đúng và đủ chuẩn theo chức năng nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội chung tay thực hiện.

5. Những bất cập về cơ chế, chính sách thực hiện

Công tác lập kế hoạch kinh phí ngay từ quý III năm trước đến khi triển khai kế hoạch cho năm sau thường rơi vào Quý II như vậy gần một năm dẫn đến có sự thay đổi về đối tượng đăng ký tham gia học ban đầu lý do người lao động tìm việc khác học học nghề khác.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ còn thấp so với nhu cầu thực tế của người lao động, lý do đa số là lao động chính nuôi gia đình khi theo học nghề phải bỏ việc làm thuê, làm mướn nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống khi tham gia thời gian học nghề.

Thời gian nhàn rỗi của lao động thường vào buổi trưa, hoặc buổi tối theo quy định học ngày 8 tiếng là chưa phù hợp.

Công tác lập đề án về chính sách vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội còn gặp nhiều khó khăn đối với hộ sản xuất nhỏ lẻ.

Đề xuất, có chính sách phù hợp về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn cụ thể như:

Phân khai sớm kinh phí ngay từ năm kế hoạch.

Kinh phí hỗ trợ của ngân sách tương ứng 30% giá trị ngày công để hỗ trợ người lao động định theo giá thị trường.

Quy định thời gian học phù hợp cho đối tượng này.

Quy định riêng cho đối tượng tham gia học nghề lao động nông thôn về chính sách vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội.

V. TỔNG KẾT MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Công tác dạy nghề cho lao động nông thôn cần sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, ban ngành, trong việc tổ chức phối hợp chặt chẽ khi triển khai thực hiện kế hoạch.

Đào tạo nghề phải xuất phát từ yêu cầu của sản xuất, kinh doanh, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, gắn với giải quyết việc làm cho người lao động. Hỗ trợ lao động tiêu thụ sản phẩm làm ra đảm bảo tính ổn định lâu dài.

Thực hiện đa dạng các loại hình, hình thức, thời gian đào tạo theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng người lao động tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu về việc làm của người lao động tham gia học nghề.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Đề án để đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo; đặc biệt là trong việc tổ chức quản lý lớp học, đồng thời có kế hoạch quản lý học viên sau khi học nghề, giải quyết việc làm, mở rộng hình thức cho vay đối với người lao động tham gia học nghề để tạo điều kiện phát triển nghề đã học. Kịp thời có giải pháp tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Đề án.

Thực hiện thí điểm các mô hình có hiệu quả trong chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo, giải quyết việc làm và xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách công tác lao động – việc làm của địa phương, quản lý dạy nghề thông qua tập huấn đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm cho cán bộ chuyên trách từ huyện đến cơ sở.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019-2020

I. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU NĂM 2019-2020

Phấn đấu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2020 là 240 lớp cho khoảng 7.820 lao động.

Trong đó đào tạo nghề nông nghiệp 154 lớp/5.410 lao động, nghề phi nông nông nghiệp khoảng 86 lớp/2.410 lao động.

+ Đào tạo cho lao động ở các doanh nghiệp nông nghiệp: 2.605 người;

+ Đào tạo cho các thành viên hợp tác xã, lao động thực hiện các dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp: 1.042 người;

+ Đào tạo cho an sinh xã hội nông thôn: 1.583 người.

+ Đào tạo cho lao động nông thôn thuộc nhóm đối tượng I chiếm 10%; lao động nữ chiếm khoảng 40%, lao động là người khuyết tật chiếm ít nhất 10%; Tỷ lệ có việc làm sau đào tạo đạt tối thiểu 80%.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019-2020

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục lãnh đạo các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức xây dựng kế hoạch, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn; tổng hợp kế hoạch, kinh phí đào tạo nghề (nông nghiệp và nghề phi nông nghiệp) cho lao động nông thôn giai đoạn 5 năm và hằng năm gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng và phê duyệt chỉ tiêu, nhiệm vụ và bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn" (bao gồm cả đào tạo nghề nông nghiệp và nghề phi nông nghiệp) trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục công tác điều tra khảo sát và xây dựng kế hoạch dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu học nghề của người lao động và định hướng về cơ cấu đối tượng đào tạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tập trung đào tạo cho lao động ở các vùng nguyên liệu có liên kết sản xuất với các doanh nghiệp; lao động thực hiện các chương trình tái cơ cấu ngành; chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), thành viên hợp tác xã, trang trại tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi ngành hàng, sản xuất công nghệ cao, áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất; lao động thuộc các xã chưa đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới và ưu tiên tổ chức đào tạo cho lao động ở các vùng khó khăn, biên giới, đảm bảo an sinh xã hội; đào tạo khoảng 50% cho lao động ở các

doanh nghiệp nông nghiệp; 20% cho các thành viên hợp tác xã, lao động thực hiện các dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và 30% an sinh xã hội.

- Đánh giá hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo các tiêu chí đánh giá Quyết định số 54/QĐ-BNN-KTHT ngày 04/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành hướng dẫn tiêu chí đánh giá hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn *(gồm 02 tiêu chí, 08 chỉ tiêu).* Công tác đánh giá chất lượng đào tạo nghề phải đảm bảo độ tin cậy, chính xác, khách quan; đánh giá một cách toàn diện, trên cả công tác theo dõi, báo cáo, lưu trữ hồ sơ về hoạt động đào tạo nghề đến kết quả của người học dựa vào thu thập thông tin ban đầu, điều tra, khảo sát các đối tượng trước và sau khi đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn nhằm đánh giá hiệu quả của người học.

- Theo dõi, đôn đốc, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn" và định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp báo cáo kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn, gồm: kết quả, hiệu quả hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách hiện hành; kết quả, hiệu quả hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác; số lượng lao động nông thôn được học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động (doanh nghiệp) theo quy định của Bộ luật Lao động và số lượng lao động nông thôn đào tạo nghề ở các trình độ, tự chi trả học phí, gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để tổng hợp, trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương và Thủ tướng Chính phủ".

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

Phần thứ ba
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: KHÔNG

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- Bộ LĐTBXH;
- TCGDNN;
- LĐ UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- CVP, PCVP Long, Nhung;
- PVHXH, KTTC;
- Lưu: VT, VP.Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh. Tuấn

12

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
(Kèm theo Báo cáo số:288/BC-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010-2015	Giai đoạn 2016-2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
I	**Công tác chỉ đạo, điều hành**						
1	Số đoàn kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho LĐNT	Đoàn	51	45	9	20	20
2	Số nghề trong danh mục nghề đào tạo cho lao động nông được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	121	124	124	124	124
	Nghề nông nghiệp	*Nghề*	32	42	42	42	42
	Nghề phi nông nghiệp	*Nghề*	89	82	82	82	82
3	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	0	0	0	0	
4	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức chi phí đào tạo, đơn giá đặt hàng, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	40	77	77	77	77
5	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của cấp tỉnh ban hành đang áp dụng riêng tại địa phương	Số lượng	03	04	04	04	05
6	Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho LĐNT						
	Số tin, bài tuyên truyền	*Tin, bài*	60	72	6	17	18
	Số người được tuyên truyền, tư vấn học nghề	*Người*	88.354	53.907	5.342	18.000	18.500
7	Số chương trình, giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới	C.Tr	0	12	0	04	04
	Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề nông nghiệp	*C.Tr*	0	08	0	02	02
	Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề phi nông nghiệp	*C.Tr*	0	04	0	02	02
8	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Người					
	Số giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý đào tạo, bồi dưỡng	*Người*	227	230	0	0	165
	Số cán bộ chuyên trách về Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện	*Người*	0	0	0	0	0
	Số cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện	*Người*	9	9	9	9	9

TT	Nội dung	ĐVT					
9	Tổng số LĐNT được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp	Người	45.515	27.872	2.810	10.660	10.020
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng	*Người*	0	242		155	155
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp	*Người*	3.202	2.644	107	900	850
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo sinh độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng	*Người*	42.313	14.986	2.703	9.605	9.015
10	*Tổng số LĐNT được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg*	*Người*	28.005	12.844	440	4.205	3.615
10.1	**Chia theo lĩnh vực**	Người	28.005	12.844	440	4.205	3.615
	Nông nghiệp	Người	23.401	9761	321	2.710	2700
	Phi nông nghiệp	Người	4.604	3083	120	1.495	915
10.2	Chia theo đối tượng	Người					
	Lao động nữ	*Người*	13.332	6624	0	1682	1500
	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	*Người*	180	41	0	7	7
	Người dân tộc thiểu số	*Người*	830	326	0	150	140
	Người thuộc hộ nghèo	*Người*	647	110	0	55	55
	Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh	*Người*	190	8	0	5	5
	Người khuyết tật	*Người*	24	90	0	10	10
	Người thuộc hộ cận nghèo	*Người*	415	145	0	55	55
	LĐNT khác	*Người*	28.719	12124	440	3923	3343
11	Tổng số cơ sở tham đào nghề cho LĐNT	Cơ sở	21	14	06	16	16
	Trường cao đẳng	*Cơ sở*	01	0	0	0	0
	Trường trung cấp	*Cơ sở*	03	03	02	03	03
	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	*Cơ sở*	11	05	02	07	07
	Doanh nghiệp	*Cơ sở*	02	02	02	02	02
	Cơ sở đào tạo khác	*Cơ sở*	4	4		04	04
12	Tổng số kinh phí đã sử dụng	Tr.đ	57.202	30.136	0	11.735	12.670
12.1	Chia theo nguồn kinh phí	Tr.đ	57.202	30.136	0	11.375	12.670
	Ngân sách Trung ương	*Tr.đ*	44.254	20.366	0	8.140	8.670
	Ngân sách Địa phương	*Tr.đ*	12.948	9.770	0	3.595	4.000
	Các nguồn khác	*Tr.đ*	0	0	0	0	0
TT	**Nội dung**	**ĐVT**					
12.2	Chia theo nội dung hoạt động	Tr.đ					

	Tuyên truyền, tư vấn học nghề	*Tr.đ*	225	226		80	80
	Điều tra, khảo sát, rà soát, cập nhật, xác định nhu cầu học nghề	*Tr.đ*	0	0	0	0	0
	Phát triển chương trình, giáo trình	*Tr.đ*	0	0	0	0	0
	Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý	*Tr.đ*	0	31	0	80	90
	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề	*Tr.đ*	10.939	0	0	4.000	0
	Hỗ trợ đào tạo nghề độ sơ cấp đào tạo dưới tháng 03 tháng	*Tr.đ*	31.968	19.391	0	7.295	8.000
	Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khác	*Tr.đ*	1.122	718	0	280	500
13	Số người được vay vốn hỗ trợ sản xuất sau học nghề	Người	144	830	250	250	300
14	Tổng số LĐNT có việc làm sau học nghề	Người	20.958	10.814	0	3.364	2.892
14.1	Chia theo lĩnh vực	Người	20.958	10.814	0	3.364	
	Nông nghiệp	*Người*	17.623	8.335	0	2.168	2.160
	Phi nông nghiệp	*Người*	3.335	2.479	0	1.196	732
14.2	Chia theo loại hình công việc	Người					
	LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động	*Người*	2.570	425	0	25	10
	LĐNT được doanh nghiệp nhận ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm	*Người*	64	15	0	7	5
	LĐNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên	*Người*	18.209	10.354	0	3.347	2.867
	LĐNT thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất	*Người*	115	101	0	15	10
15	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo	Người	767	4	0	5	7
16	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá	Người	1.706	173	0	175	145

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
(Kèm theo Báo cáo số:298/BC-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010-2015	Giai đoạn 2016-2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
I	**Công tác chỉ đạo, điều hành**						
1	Số đoàn kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho LĐNT	Đoàn	51	45	9	20	20
2	Số nghề trong danh mục nghề đào tạo cho lao động nông được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	121	124	124	124	124
	Nghề nông nghiệp	*Nghề*	32	42	42	42	42
	Nghề phi nông nghiệp	*Nghề*	89	82	82	82	82
3	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	0	0	0	0	
4	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức chi phí đào tạo, đơn giá đặt hàng, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	40	77	77	77	77
5	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của cấp tỉnh ban hành đang áp dụng riêng tại địa phương	Số lượng	03	04	04	04	05
6	Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho LĐNT						
	Số tin, bài tuyên truyền	*Tin, bài*	60	72	6	17	18
	Số người được tuyên truyền, tư vấn học nghề	*Người*	88.354	53.907	5.342	18.000	18.500
7	Số chương trình, giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới	C.Tr	0	12	0	04	04
	Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề nông nghiệp	*C.Tr*	0	08	0	02	02
	Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề phi nông nghiệp	*C.Tr*	0	04	0	02	02
8	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Người					
	Số giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý đào tạo, bồi dưỡng	*Người*	227	230	0	0	165
	Số cán bộ chuyên trách về Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện	*Người*	0	0	0	0	0
	Số cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện	*Người*	9	9	9	9	9

TT	Nội dung	ĐVT					
9	Tổng số LĐNT được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp	Người	45.515	27.872	2.810	10.660	10.020
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng	*Người*	0	242		155	155
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp	*Người*	3.202	2.644	107	900	850
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo sinh độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng	*Người*	42.313	14.986	2.703	9.605	9.015
10	*Tổng số LĐNT được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg*	*Người*	28.005	12.844	440	4.205	3.615
10.1	**Chia theo lĩnh vực**	Người	28.005	12.844	440	4.205	3.615
	Nông nghiệp	Người	23.401	9761	321	2.710	2700
	Phi nông nghiệp	Người	4.604	3083	120	1.495	915
10.2	Chia theo đối tượng	Người					
	Lao động nữ	*Người*	13.332	6624	0	1682	1500
	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	*Người*	180	41	0	7	7
	Người dân tộc thiểu số	*Người*	830	326	0	150	140
	Người thuộc hộ nghèo	*Người*	647	110	0	55	55
	Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh	*Người*	190	8	0	5	5
	Người khuyết tật	*Người*	24	90	0	10	10
	Người thuộc hộ cận nghèo	*Người*	415	145	0	55	55
	LĐNT khác	*Người*	28.719	12124	440	3923	3343
11	Tổng số cơ sở tham đào nghề cho LĐNT	Cơ sở	21	14	06	16	16
	Trường cao đẳng	*Cơ sở*	01	0	0	0	0
	Trường trung cấp	*Cơ sở*	03	03	02	03	03
	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	*Cơ sở*	11	05	02	07	07
	Doanh nghiệp	*Cơ sở*	02	02	02	02	02
	Cơ sở đào tạo khác	*Cơ sở*	4	4		04	04
12	Tổng số kinh phí đã sử dụng	Tr.đ	57.202	30.136	0	11.735	12.670
12.1	Chia theo nguồn kinh phí	Tr.đ	57.202	30.136	0	11.375	12.670
	Ngân sách Trung ương	*Tr.đ*	44.254	20.366	0	8.140	8.670
	Ngân sách Địa phương	*Tr.đ*	12.948	9.770	0	3.595	4.000
	Các nguồn khác	*Tr.đ*	0	0	0	0	0
TT	**Nội dung**	**ĐVT**					
12.2	Chia theo nội dung hoạt động	Tr.đ					

	Tuyên truyền, tư vấn học nghề	*Tr.đ*	225	226		80	80
	Điều tra, khảo sát, rà soát, cập nhật, xác định nhu cầu học nghề	*Tr.đ*	0	0	0	0	0
	Phát triển chương trình, giáo trình	*Tr.đ*	0	0	0	0	0
	Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý	*Tr.đ*	0	31	0	80	90
	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề	*Tr.đ*	10.939	0	0	4.000	0
	Hỗ trợ đào tạo nghề độ sơ cấp đào tạo dưới tháng 03 tháng	*Tr.đ*	31.968	19.391	0	7.295	8.000
	Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khác	*Tr.đ*	1.122	718	0	280	500
13	Số người được vay vốn hỗ trợ sản xuất sau học nghề	Người	144	830	250	250	300
14	Tổng số LĐNT có việc làm sau học nghề	Người	20.958	10.814	0	3.364	2.892
14.1	Chia theo lĩnh vực	Người	20.958	10.814	0	3.364	
	Nông nghiệp	*Người*	17.623	8.335	0	2.168	2.160
	Phi nông nghiệp	*Người*	3.335	2.479	0	1.196	732
14.2	Chia theo loại hình công việc	Người					
	LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động	*Người*	2.570	425	0	25	10
	LĐNT được doanh nghiệp nhận ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm	*Người*	64	15	0	7	5
	LĐNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên	*Người*	18.209	10.354	0	3.347	2.867
	LĐNT thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất	*Người*	115	101	0	15	10
15	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo	Người	767	4	0	5	7
16	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá	Người	1.706	173	0	175	145

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020"

TT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
1	508/UBND-VXNV	10/3/2010	UBND tỉnh	Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng về triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.
2	1399/VP-KTTC	28/4/2010	VP. UBND tỉnh	Bổ sung dự toán chi năm 2010 để thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.
3	1436/VP-KTTC	05/5/2010	VP. UBND tỉnh	Thông báo bổ sung kinh phí năm 2020 thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg.
4	1493/VP-VXNV	10/5/2010	VP. UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí năm 2010 thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg.
5	939/QĐ-UBND	21/5/2010	UBND tỉnh	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của tỉnh và Tổ chuyên viên giúp việc,
6	1661/VP-VXNV	24/5/2010	VP. UBND tỉnh	Hướng dẫn phân bổ kinh phí bổ sung năm 2010 thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg.
7	1678/VP-KTTC	25/5/2010	VP. UBND tỉnh	Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.
8	1663/KH-UBND	15/7/2010	UBND tỉnh	Triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong năm 2010.
9	1259/QĐ-BCĐ	15/7/2010	Ban Chỉ đạo	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
10	895/LĐTBXH-DN	9/7/2010	SLĐTBXH	Hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
11	1477/QĐ-UBND	10/8/2010	UBND tỉnh	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện điều tra thu thập, xử lý thông tin cung - cầu lao động; điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh.
12	2936/VP-KTTC	28/8/2010	VP. UBND tỉnh	Phân bổ kinh phí bổ sung năm 2010 để thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg
13	2245/UBND-KTTC	08/9/2010	UBND tỉnh	Kinh phí điều tra, khảo sát dự báo và nhu cầu xây dựng mô hình dạy nghề lao động nông thôn; cung cầu lao động.

14	1715/QĐ-UBND	16/9/2010	UBND tỉnh	Giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2010 cho đơn vị: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".
15	1714/QĐ-UBND	16/9/2010	UBND tỉnh	Giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2010 cho đơn vị: Sở Nội vụ để thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".
16	2420/KH-UBND	24/9/2010	UBND tỉnh	Điều tra thu thập, xử lý thông tin cung - cầu lao động; Điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu và xây dựng mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn.
17	3421/VP-VXNV	06/10/2010	VP. UBND tỉnh	Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.
18	1891/QĐ-UBND	14/10/2010	UBND tỉnh	Giao dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2010 cho đơn vị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".
19	1892/QĐ-UBND	14/10/2010	UBND tỉnh	Giao dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2010 cho đơn vị Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".
20	50/2010/QĐ-UBND	23/11/2010	UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.
21	34/2010/NQ-HĐND	10/12/2010	HĐND tỉnh	Về Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020
	Năm 2011			
22	02/2011/QĐ-UBND	15/01/2011	UBND tỉnh	Ban hành Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020
23	540/LĐTBXH-DN	04/4/2011	SLĐTBXH	Đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo năm 2011.
24	714/LĐTBXH-DN	05/5/2011	SLĐTBXH	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện/thị xã năm 2011.
25	983/QĐ-UBND	10/5/2011	UBND tỉnh	Giao bổ sung chỉ tiêu biên chế công chức năm 2011
26	959/UBND-VXNV	12/5/2011	UBND tỉnh	Thực hiện công tác tuyên truyền đào tạo nghề cho lao động nông thôn.
27	1519/VP-VXNV	12/5/2011	VP. UBND tỉnh	Sao gửi Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

28	884/LĐTBXH	04/6/2011	SLĐTBXH	Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh
29	1029/LĐTBXH-DN	01/7/2011	SLĐTBXH-DN	Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho lao đông nông thôn trên địa bàn huyện, thị xã trong năm 2011.
30	1096/SLĐTBXH	13/7/2011	SLĐTBXH	Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện/thị xã năm 2011.
31	1143/KH-SLĐTBXH	21/7/2011	SLĐTBXH	Đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh năm 2011.
32	1215/BC-SLĐTBXH	03/8/2011	SLĐTBXH	Kết quả Điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề và nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề.
33	1265/LĐTBXH	12/8/2011	SLĐTBXH	Hướng dẫn đầu tư thiết bị cho các trung tâm giới thiệu việc làm, cơ sở dạy nghề công lập khác tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
34	1308/LĐTBXH	22/8/2011	SLĐTBXH	Hướng dẫn các huyện, thị xã và các cơ sở dạy nghề tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh năm 2011 và xây dựng kế hoạch năm 2012.
35	1698/QĐ-UBND	24/8/2011	UBND tỉnh	Ban hành Quy định mức chi phí đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.
36	3002/VP-THNC	24/8/2011	VP. UBND tỉnh	Tham mưu thực hiện Hướng dẫn số 2788/HD-BNV
37	1727/QĐ-UBND	24/8/2011	UBND tỉnh	Về Kiện Toàn Lại Ban Chỉ Đạo Thực Hiện Quyết Định Số 1956/QĐ-Ttg Của Tỉnh Tây Ninh và Tổ chuyên viên giúp việc.
38	1801/UBND-KTTC	24/8/2011	UBND tỉnh	Phê duyệt kinh phí đào tạo nghề lao động nông thôn năm 2011.
39	1398/SLĐTBXH-DN	07/9/2011	SLĐTBXH	Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện, thị năm 2012 và những năm tiếp theo.
40	1393/HD-SLĐTBXH	07/9/2011	SLĐTBXH	Hướng dẫn thực hiện đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
41	1434/KH-SLĐTBXH	15/9/2011	SLĐTBXH	Kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động tỉnh Tây Ninh năm 2011.
42	3435/VP-VXNV	26/9/2011	VP. UBND tỉnh	Hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn.
43	2211/UBND-VXNV	05/10/2011	UBND tỉnh	Thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân
44	3625/VP-VX	11/10/2011	VP. UBND tỉnh	Góp ý dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

45	1421/STC-NS	12/10/2011	Sở Tài chính	Bổ sung kinh phí thực hiện Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn
46	175-CV/TU	21/10/2011	BTV Tỉnh ủy	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn
47	2625/UBND-VX	10/11/2011	UBND tỉnh	Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn
48	1838/SLĐTBXH-DN	10/11/2011	SLĐTBXH	Rà soát đối tượng lao động nông thôn tham gia học nghề lái xe ôtô hạng B2 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
49	157/BC-SNV	14/11/2011	Sở Nội vụ	Kết quả điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
50	1928/BC-BCĐ	22/11/2011	Ban chỉ đạo	Tình hình thực hiện các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg.
51	1961/SLĐTBXH-DN	24/11/2011	SLĐTBXH	Tham khảo ý kiến của lao động nông thôn tham gia học nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
52	2891/KH-BCĐ	07/12/2011	Ban chỉ đạo	Kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2011.
53	4358/VP-VX	24/12/2011	VP. UBND tỉnh	Sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg
54	2675/QĐ-UBND	28/12/2011	UBND tỉnh	Phân khai kế hoạch và bổ sung dự toán chi nguồn vốn chưa sử dụng từ các năm trước chuyển sang năm 2011 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo.
55	2677/QĐ-UBND	28/12/2011	UBND tỉnh	Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2011.
	Năm 2012			
56	13/BC-BCĐ	09/01/2012	Ban chỉ đạo	Sơ kết 02 năm thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".
57	73/SLĐTBXH-DN	11/01/2012	SLĐTBXH	Chỉ tiêu giám sát, đánh giá thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.
58	73/STC-NS	20/01/2012	Sở Tài chính	Bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền ăn thực hiện đào tạo nghề ngắn hạn lao động nông thôn năm 2011.
59	194/SLĐTBXH	14/02/2012	SLĐTBXH	Xin chuyển 2 tỷ vốn đầu tư thiết bị sang hỗ trợ lao động nông thôn học nghề
60	196/SLĐTBXH-DN	14/02/2012	SLĐTBXH	Góp ý danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh đến năm 2015
61	200/SLĐTBXH-DN	14/02/2012	SLĐTBXH	Cv v/v báo cáo kết quả thực hiện CTMTQG năm 2011 thuộc đề án đào tạo nghề cho LĐNT
62	258/UBND-VX	14/02/2012	UBND tỉnh	Thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân.

63	218/KH-SLĐTBXH	16/2/2012	SLĐTBXH	KH đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT tỉnh Tây Ninh năm 2012
64	219/TTr-SLĐTBXH	16/2/2012	SLĐTBXH	TT v/v xin phê duyệt bổ sung mức chi phí đào tạo nghề và Kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT tỉnh TN năm 2012
65	1016/GM-VPUB	27/3/2012	VP UBND tỉnh	Giấy mời Sơ kết 02 năm thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn
66	644/QĐ-UBND	6/4/2012	UBND tỉnh	Quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của tỉnh Tây Ninh và Tổ chuyên viên giúp việc
67	1197/TB-VP	10/4/2012	Thông báo	Thông báo Kết luận của PCT UBND tỉnh Nguyễn Thảo Trưởng ban chỉ đạo thực hiện QĐ 1956/QĐ-TTg của tỉnh tại Hội nghị trực tuyến sơ kết 2 năm thực hiện đề án "Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020" trên
68	715/QĐ-UBND	16/4/2012	UBND tỉnh	Quyết định Ban hành Danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh đến năm 2015
69	599/BC-SLĐ	19/4/2012	SLĐTBXH	Báo cáo kết quả phân bổ, kinh phí các Dự án dạy nghề thuộc CTMTQG Việc làm và Dạy nghề năm 2011
70	614/SLĐTBXH-DN	23/4/2012	SLĐTBXH	V/v thông báo CSDN tham gia đào tạo nghề cho LĐNT
71	707/KH-SLĐTBXH	9/5/2012	SLĐTBXH	KH v/v kiểm tra đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT đã thực hiện năm 2011 và tổ chức thực hiện năm 2012
72	1592/GM-VP	14/5/2012	Ban chỉ đạo	Thơ mời Họp BCĐ đánh giá triển khai thực hiện đề án 1956 quý I/2012 và bàn thống nhất việc thực hiện văn bản số 964/LĐTBXH –KHTC ngày 4/4/2012 của BLĐTBXH
73	901/QĐ-UBND	15/5/2012	UBND	Quyết định bổ sung định mức chi phí đào tạo ngắn hạn cho LĐNT tỉnh TN
74	902/QĐ- UBND	15/5/2012	UBND	Quyết định về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các Huyện, thị xã năm 2012
75	767/BC-BCĐ	21/5/2012	Ban Chỉ đạo	Báo cáo tình hình thực hiện đề án "Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020" quí I
76	1026/UBND -VX	24/5/2012	UBND	Quyết định Kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn tỉnh Tây Ninh
77	1814/TB-VP	29/5/2012	UBND	Thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Thảo, PCT UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo thực hiện QĐ 1956/QĐ- TTg của tỉnh tại cuộc họp BCĐ thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020" ngày 16/5/2012
78	1052/QĐ-UBND	31/5/2012	UBND	Quyết định phân khai vốn thực hiện các Chương trình MTQG năm 2012 cho các huyện, thị xã
79	1053/QĐ-UBND	31/5/2012	UBND	Quyết định v/v phân khai và giao dự toán chi thực hiện các Chương trình MTQG năm 2012 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh.
80	1077/SLĐ-DN	5/7/2012	SLĐTBXH	Cv gởi Thanh tra Bộ LĐTBXH v/v báo cáo danh sách các cơ sở dạy nghề cho LĐNT tại địa phương

81	1083/KH-SLĐ	6/7/2012	SLĐTBXH	Kế hoạch làm việc các Phòng LĐTBXH và các CSDN chuẩn bị Thanh tra diện rộng thực hiện Đề án Đt nghề cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-Ttg của Thủ tướng CP
82	311/STTTT-VP	16/7/2012	Sở T.tin – T.thông	CV v/v cử lãnh đạo tham gia các Ban chỉ đạo cấp tỉnh
83	1327/BC-SLĐTBXH	21/8/2012	SLĐTBXH	Báo cáo Giám sát tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 1959/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP về Đề án "Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh
84	1374/KH-SLĐ	28/8/2012	SLĐTBXH	Kế hoạch Bổ sung đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN năm 2012
85	1380/TTr-SLĐ	28/8/2012	SLĐTBXH	V/v phê duyệt Kế hoạch Bổ sung đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN năm 2012
86	3168/GM-VP	4/9/2012	UBND tỉnh	Giấy mời họp dự HN giao ban toàn quốc thực hiện Đề án dạy nghề cho LĐNT
87	1899/UBND-VX	5/9/2012	UBND tỉnh	Cv v/v bổ sung kế hoạch dạy nghề cho LĐNT tỉnh Tây Ninh năm 2012
88	4427/VP-VX	5/11/2012	UBND tỉnh	V/v t/h công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra diện rộng về dạy nghề cho LĐNT năm 2012
89	2310/QĐ-UBND	13/11/2012	UBND tỉnh	QĐ v/v phê duyệt kế hoạch mua sắm và KH đấu thầu gói thầu mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2012 của Trường TCNKVNTN
90	4651/VP-VX	10/12/2012	UBND tỉnh	V/v hướng dẫn chỉ tiêu chuyên môn phân bổ kinh phí năm 2013 các Dự án Dạy nghề thuộc CTMTQG về Việc làm và Dạy nghề
100	2528/QĐ-UBND	13/12/2012	UBND tỉnh	Quyết định v/v giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã năm 2012 để hỗ trợ tiền ăn để đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT năm 2012 (826.000.000 đ)
101	2779/QĐ-UBND	31/12/2012	UBND tỉnh	Quyết định v/v phân khai và giao dự toán chi bổ sung có mục tiêu để t/h các CTMTQG năm 2013 cho các huyện, thị xã
102	2780/QĐ-UBND	31/12/2012	UBND tỉnh	Quyết định v/v phân khai và giao dự toán chi ngân sách t/h các CTMTQG năm 2013 cho các đơn vị đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh
	Năm 2013			
103	126/VX-VP	8/1/2013	UBND tỉnh	V/v sơ kết 3 năm t/h đề án 1956 và kế hoạch năm 2013
104	139/SLĐTBXH	18/1/2013	SLĐTBXH	V/v sơ kết 3 năm t/h đề án 1956 và kế hoạch năm 2013 (gửi các CSDN)
105	142/SLĐTBXH	18/1/2013	SLĐTBXH	V/v sơ kết 3 năm t/h đề án 1956 và kế hoạch giai đoạn 2013 -2015 (gửi HND)
106	180/SLĐTBXH	22/1/2013	SLĐTBXH	V/v lựa chọn báo cáo điển hình sơ kết 3 năm t/h đề án 1956 năm 2010-2012
107	351/QĐ-UBND	26/02/2013	UBND tỉnh	QĐ về việc bổ sung mức chi phí đòa tạo nghề cho LĐNT tỉnh Tây Ninh
108	420/KH-SLĐTBXH	6/3/2013	SLĐTBXH	Kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT tỉnh Tây Ninh năm 2013
109	421/TTr-SLĐTBXH	6/3/2013	SLĐTBXH	V/v phê duyệt Kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT tỉnh Tây Ninh năm 2013

110	550/UBND -VX	25/3/2013	UBND-TH	V/v Kế hoạch dạy nghề cho LĐNT TTN năm 2013
111	88/BC-BCĐ	11/4/2013	BCĐ t/h QĐ 1956/QĐ-TTg	Báo cáo sơ kết 03 năm t/h đề án "Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020" và Kế hoạch 2013-2015
112	955/SLĐTBXH	30/5/2013	SLĐTBXH	V/v góp ý Dự thảo sửa đổi, bổ sung QĐ số 1956/QĐ-TTg
113	923/QĐ-UBND	22/5/2013	UBND	Quyết định Về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị nặm 2013
114	919/SLĐTBXH	24/5/2013	SLĐTBXH	V/v tổ chức thực hiện Đề án đào tạo nghề cho LĐNT theo QĐ 1956/QĐ-TTg
115	920/SLĐTBXH	24/5/2013	SLĐTBXH	V/v báo cáo đội ngũ giáo viên, lịch học các lớp dạy nghề cho LĐNT theo QĐ 1956/QĐ-TTg
116	1163/BCĐ	05/6/2013	BCĐt/h QĐ 1956/QĐ-TTg	V/v góp ý dự thảo sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg
117	977/TTr-SLĐTBXH	4/6/2013	SLĐTBXH	V/v kiện toàn thành viên tham gia BCĐ và Tổ chuyên viên giúp việc t/h QĐ số 1956/QĐ-TTg của tỉnh
118	1195/QĐ-UBND	27/6/2013	UBND	QĐ v/v kiện toàn BCĐ t/h QĐsố 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP tại tỉnh TN
119	1389/KH-SLĐ	9/8/2013	SLĐTBXH	Kế hoạch bổ sung đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT tỉnh Tây Ninh năm 2013
120	1390/TTr-SLĐ	9/8/2013	SLĐ	V/v phê duyệt Kế hoạch bổ sung đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT tỉnh Tây Ninh năm 2013
121	1402/UBND	28/6/2013	UBND tỉnh	V/v xin chuyển 2 tỷ vốn mua sắm trang thiết bị theo Đề án 1956 sang đầu tư cho Trường TCN TN
122	1295/QĐ-BCĐ	12/7/2013	Ban Chỉ đạo	QĐ v/v kiện toàn TCV giúp việc BCĐ t/h QĐ 1956/QĐ-TTg của TTCP tại tỉnh TN
123	1637/QĐ-UBND	20/8/2013	UBND tỉnh	QĐ v/v điều chuyển dự toán chi ngân sách t/h DA đào tạo nghề cho LĐNT thuộc nguồn vốn CTMTQG VL-DN năm 2012 chuyển sang năm 2013 từ huyện Tân Biên sang huyện Tân Châu.
124	1659/QĐ-UBND	22/8/2013	UBND tỉnh	QĐ phê duyệt KH bổ sung ĐTNNH cho LĐNT trên địa bàn TTN năm 2013
125	1616/QĐ-UBND	19/8/2013	UBND tỉnh	Quyết định v/v giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã năm 2013
126	1342/SLĐ	31/7/2013	SLĐTBXH	V/v thực hiện vốn CTMTQG thuộc DA đào tạo nghề cho LĐNT năm 2013
127	2271/QĐ-UBND	12/11/2013	UBND tỉnh	QĐ v/v thay đổi thành viên BCĐ thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP tại tỉnh Tây Ninh
128	2104/TTr-SLĐ	26/11/2013	SLĐTBXH	Tờ trình v/v phê duyệt bổ sung mức chi phí đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT tỉnh Tây Ninh năm 2014
129	2221/BC-SLĐTBXH	09/12/2013	SLĐTBXH	Báo cáo kết quả kiểm tra công tác dạy nghề ngắn hạn cho LĐNT theo QĐ 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP năm 2013

130	2730/QĐ-UBND	24/12/2013	UBND tỉnh	V/v phân khai bổ sung có mục tiêu cho huyện Tân châu t/h DAĐTN cho LĐNt thuộc nguồn vốn CTMTQG VL và Dạy nghề năm 2012 chuyển sang năm 2013
	Năm 2014			
131	225/QĐ-UBND	21/01/2014	UBND tỉnh	QĐ về việc giao dự toán bổ sung định mức chi đào tạo nghề nông thôn tỉnh TN
132	272/QĐ-UBND	25/01/2014	UBND tỉnh	QĐ v/v giao dự toán bổ sung các đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh t/h các CTMTQG năm 2014
133	271/QĐ-UBND	25/01/2014	UBND tỉnh	QĐ v/v giao dự toán bổ sung các đơn vị thuộc ngân sách các huyện, Thành phố t/h các CTMTQG năm 2014
134	398/QĐ-UBND	24/02/2014	UBND tỉnh	Quyết định v/v giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, Thành phố năm 2014
135	120/KH-SLĐTBXH	28/2/2014	SLĐTBXH	Kế hoạch Đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT tỉnh TN năm 2014
136	121/TTr-SLĐTBXH	28/2/2014	SLĐTBXH	Tờ Trình phê duyệt Kế hoạch Đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT tỉnh TN năm 2014
137	483/QĐ-UBND thay cho QĐ số 398/QĐ-UBND	04/03/2014	UBND tỉnh	Quyết định v/v giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, Thành phố năm 2014
138	593/QĐ-UBND	14/03/2014	UBND tỉnh	QĐ Phê duyệt Kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN năm 2014
139	48/BC-BCĐ	24/3/2014	UBND tỉnh	Báo cáo tình hình thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo QĐ 1956/QĐ-TTg năm 2013
140	619/HD-SLĐ-SNN	6/5/2014	SLĐTBXH	Hướng dẫn thực hiện đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh TN
141	400/TTr-SLĐ	26/3/2014	SLĐTBXH	V/v xin tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn để cấp chứng chỉ nghề cho LĐNT đã có tay nghề nhưng chưa có chứng chỉ
142	753/UBND-VX	04/4/2014	UBNd tỉnh	V/v tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn để cấp chứng chỉ nghề cho LĐNT đã có tay nghề nhưng chưa có chứng chỉ.
143	640/SLĐTBXH	8/5/2014	SLĐTBXH	V/v hướng dẫn tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn để cấp chứng chỉ nghề cho LĐNT thuộc các xã nông thôn mới đã có tay nghề nhưng chưa có chứng chỉ nghề
144	1595/LĐTBXH	4/9/2014	SLĐTBXH	V/v công tác đào tạo nghề cho LĐNT
145	1654/KH-SLĐ	15/9/2014	SLĐTBXH	Kế hoạch Bổ sung ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2014
146	1655/SLĐ-DN	15/9/2015	SLĐTBXH	V/v phe duyệt Kế hoạch Bổ sung ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2014
147	2147/QĐ-UBND	26/9/2014	UBND tỉnh	QĐ v/v giao bổ sung định mức chi phí đào tạo nghề nông thôn năm 2014

148	2149/QĐ-UBND	26/9/2014	UBND tỉnh	QĐ phê duyệt Kh kiểm tra, gs đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT năm 2014
149	1989/SLĐ-DN	31/10/2015	SLĐTBXH	V/v phe duyệt Kế hoạch Bổ sung ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2014
150	493/SLĐ	4/10/2014	SLĐTBXH	V/v hướng dẫn các tiêu chí số 11, 12 và 14.3 nông thôn mới
151	1160/BC-BCĐ	31/7/2014	BCĐ	BC tình hình t/h đề án ĐTN cho LĐNT theo QĐ 1956/QĐ-TTg
152	1261/KH-SLĐ	14/8/2014	SLĐTBXH	V/v tổ chức sơ kết 6T/2014 công tác ĐTN cho lĐNT và Phương hướng NV 6T cuối năm
153	1595/SLĐ	4/9/2014	SLĐTBXH	V/v công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn
154	1758/SLĐ	2/10/2014	SLĐTBXH	V/v kiểm tra, gs tình hình t/h ĐTNLĐNT năm 2014
155	1794/SLĐ	7/10/2014	SLĐTBXH	V/v hướng dẫn sơ kết 5 năm t/h Đề án 1956
156	1987/HDLT-BCĐ 1956-HĐTĐ	31/10/2014	BCĐ-HĐTĐ	Hướng dẫn liện tịch khen thưởng 5 năm t/h QĐ 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP về phê duyệt Đề án "Đòa tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020"
157	2002/TTr-SLĐ	4/11/2014	SLĐTBXH	TTr điều chỉnh tăng định mức tiền ăn cho LĐNT tham gia học nghề theo QĐ 1956/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh TN gđ 2015-2020
158	2074/BC-SLĐ	13/11/2014	SLĐTBXH	Báo cáo tóm tắt họp giao ban công tác ĐTN cho Bộ
159	2703/QĐ-UBND	24/11/2015	UBND	V/v giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện năm 2014
160	2717/QĐ-UBND	27/11/2015	UBND	QĐ về việc điều chỉnh và phân khai vốn hỗ trợ mục tiêu cho các huyện t/h DA ĐTN cho LđNT Thuộc CTMTQG VL & DN năm 2013 chuyển sang năm 2014
161	35/2014/NQ-HĐND	11/12/2014	HĐND	Về điều hỉnh tăng định mức hỗ trợ tiền ăn cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015-2020 theo Đề án đào tạo nghề cho LĐNT
162	80/2014/QĐ-UBND	30/12/2014	UBND	Về điều hỉnh tăng định mức hỗ trợ tiền ăn cho LĐNT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015-2020 theo Đề án đào tạo nghề cho LĐNT
	Năm 2015			
163	52/BC-BCĐ	12/1/2015	BCĐ	BC kết quả t/h đề án đào tạo nghề cho LĐNT năm 2014 và sơ kết 4 năm (2011-2024) t/h Đề án, dự kiến KH năm 2015 và gđ 2016-2020
164	77/SLĐTBXH	14/1/2015		V/v kiện toàn thành viên tham gia BCĐ và TCV giúp việc t/h QĐ 1956/QĐ-TTg
165	114/QĐ-UBND	15/1/2015	UBND	QĐ Phân khai và giao vốn t/h các CTMTQG năm 2015
166	164/SLĐ-DN	23/1/2015	SLĐTBXH	V/v báo cáo rà soát danh mục nghề đào tạo nghề cho LĐNT
167	165/KH-SLĐTBXH	23/1/2015	SLĐTBXH	KH đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN năm 2015
168	166/TTr-SLĐTBXH	23/1/2015	SLĐTBXH	TTr đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN năm 2015
169	251/TTr-SLĐTBXH	2/2/2015	SLĐTBXH	TTr về việc kiện toàn thành viên tham gia BCĐ t/h QĐ số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP tại Tỉnh Tây Ninh
170	352/QĐ-UBND	12/2/2015	UBND	QĐ về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho NS các huyện, tp năm 2015
171	505/QĐ-UBND	13/3/2015	UBND	QĐ về Phê duyệt KH đào tạo nghề ngắn hạn cho LĐNT trên đại bàn tỉnh TN năm 2015

172	726/QĐ-UBND	8/4/2015	UBND	QĐ kiện toàn BCĐ t/h QĐ số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP tại tỉnh TN
173	814-CV/TU	9/4/2015	Tỉnh ủy TN	V/v t/h những nv trọng tâm năm 2015 về Kh&CN, bảo vệ môi trường, GD&ĐT, dạy nghề và các vấn đề xã hội khác
174	1914/QĐ-UBND	25/8/2015	UBND tỉnh	QĐ thay đội thành viên BCĐ t/h QĐ số 1956/QĐ-TTg của TTCP tại Tỉnh TN
175	964/QĐ-UBND	6/5/2015	UBND tỉnh	Quyết định ban hành Danh mục nghề đào tạo cho LĐNT tỉnh TN
176	1016/QĐ-BCĐ	11/5/2015	UBND tỉnh	QĐ kiện toàn TCV giúp việc t/h QĐ số 1956/QĐ-TTg của TTCP tại tỉnh TN
177	2817-CV/BTGTU	6/5/2015	Ban TVTU	V/v báo cáo kết quả 2 năm t/h Chỉ thị số 19-CT/TW
178	1397/UBND-VX	21/5/2015	UBND tỉnh	V/v chỉ đạo về đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020
179	2125/QĐ-UBND	16/9/2015	UBND tỉnh	QĐ sửa đổi bs QĐ 505/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt KH ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN năm 2015
179	916/SLĐ0DN	18/5/2015	SLĐTBXH	V/v thực hiện công tác đao at5o nghề cho lao động nông thôn năm 2015
180	103/VP-VX	08/1/2015	UBND tỉnh	V/v chỉ đạo công tác đào tạo ngeh26 cho LĐNT đến năm 2020
181	814/CV/TU	9/4/2015	Ban TVTU	V/v t/h những nv trọng tâm năm 2015 về Kh&CN, bảo vệ môi trường, GD&ĐT, dạy nghề và các vấn đề xã hội khác
182	726/QĐ-UBND	8/4/2015		QĐ kiện toàn BCĐ t/h QĐ số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP tại tỉnh TN
183	1104/UBND-VX	24/4/2015	UBND tỉnh	V/v t/h những nv trọng tâm năm 2015 về Kh&CN, bảo vệ môi trường, GD&ĐT, dạy nghề và các vấn đề xã hội khác
184	1303/UBND-VX	21/5/2015	UBND tỉnh	V/v báo cáo kết quả 2 năm t/h Chỉ thị số 19-CT/TW
185	2823/UBND-VX	28/9/2015	UBND tỉnh	V/v chỉ đạo về đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020
186	2202/SlĐ	3/11/2015	SlĐTBXH	V/v rà soát xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề Cho LĐNT năm 2016
187	2222/KH-SLĐ	6/11/2015	SlĐTBXH	KH kiểm tra chất lượng ĐTN cho LĐNT năm 2015
188	2223/KH-SLĐ	6/11/2015	SlĐTBXH	V/v báo cáo kết quả ĐTN cho LĐNT năm 2015
	Năm 2016			
189	326/UBND-VX	5/2/2016	UBND tỉnh	V/v hướng dẫn nhiệm vụ và tổ chức t/h đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016
190	942/QĐ-UBND	20/4/2016	UBND tỉnh	QĐ về việc phân khai và giao vốn t/h các CTMTQG năm 2016
191	1516/QĐ-UBND	15/6/2016	UBND tỉnh	QĐ phê duyệt danh mục nghề và định mức chi phí đào tạo nghề cho người

				khuyết tật và lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh TN năm 2016
192	355/SLĐTBXH-DN	29/2/2016	SLĐTBXH	V/v hướng dẫn nv và tổ chức t/h đào tạo nghề cho LĐNT năm 2016 (theo VB 5383 của BLĐ)
193	438/TTr-SLĐ	7/3/2016	SLĐTBXH	TTr về quy định mức chi phí ĐTn cho LĐNT và người khuyết tật trên địa bàn tỉnh TN
194	873/SLĐ-DN	29/4/2016	SLĐTBXH	V/v xây dựng kế hoạch tuyên truyền công tác đào tạo nghề cho LĐ NT 2016
195	874/SLĐ-DN	29/4/2016	SLĐTBXH	Tờ trình v/v quy định mức chi phí đào tạo nghề cho LĐNT và người khuyết tật trên địa bàn tỉnh TN
196	989/SLĐ-DN	16/5/2016	SLĐTBXH	V/v gop ý dự thảo KH đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh TN gđ 2016-2020
197	1036/SLĐ-DN	20/5/2016	SLĐTBXH	V/v báo cáo công tác đào tạo nghề cho LĐNT năm 2016
198	1235/TTr-SLĐ	13/6/2016	SLĐTBXH	TTr về việc phê duyệt KH KH ĐTN cho LĐNT gđ 2016-2020
199	1273/KH-SLĐ	16/6/2016	SLĐTBXH	KH đào tạo nghề cho LĐNT trên đại bàn tỉnh TN năm 2016
200	1274/TTr-SLĐ	16/6/2016	SLĐTBXH	TTr phê duyệt KH đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN năm 2016
201	1330/TTr-SLĐ	23/6/2016	SLĐTBXH	TTr phê duyệt KH đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN năm 2016
202	1738/QĐ-UBND	30/6/2016	UBND tỉnh	QĐ phê duyệt KH đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN năm 2016
203	2368/BC-SLĐTBXH	31/10/2016	SLĐTBXH	BC tình hình thực hiện KH đào tạo nghề cho LĐNT 9 tháng năm 2016
204	2434/TTr-SLĐ	8/11/2016	SLĐTBXH	TTr v/v bc tình hình t/h ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN gđ 2011-2015
205	373/BC-UBND	26/12/2016	UBND tỉnh	BC tình hình t/h công tác đtn cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN gđ 2011-2015
206	2238/TTr-SLĐ	11/10/2016	SLĐTBXH	TTr phê duyệt KH đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN gd0 2016-2020
207	3253/QĐ-UBND	21/12/2016	UBND tỉnh	QĐ phê duyệt KH đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh TN gđ 2016-2020
208	2434/QĐ-UBND	16/9/2016	UBND tỉnh	QĐ kiện toàn BCĐ t/h QĐ 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP tại tỉnh TN
209	1242/VP-VX	27/3/2017	UBND tỉnh	Hướng dẫn thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2017.
210	1254/QĐ-UBND	08/6/2017	UBND tỉnh	QĐ phân khai và giao vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017
211	1441/QĐ-UBND	29/6/2017	UBND tỉnh	QĐ giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố.
212	1588/QĐ-UBND	13/7/2017	UBND tỉnh	QĐ phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2017.
213	592/SLĐTBXH	27/3/2017	SLĐTBXH	Hướng dẫn thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2017.
214	1291/KH-SLĐTBXH	12/6/2017	SLĐTBXH	Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo nghề lao động nông thôn năm 2016.
215	1593/KH-SLĐTBXH	17/7/2017	SLĐTBXH	KH tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả đào tạo nghề năm 2016 và triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2017.

216	1649/SLĐTBXH	24/7/2017	SLĐTBXH	KH rà soát, bổ sung danh mục, định mức chi phí nghề đào tạo cho lao động nông thôn.
217	1843/SLĐTBXH	18/8/2017	SLĐTBXH	CV rà soát nhu cầu học nghề năm 2017 và xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề lao động nông thôn năm 2018.
218	1842/SLĐTBXH	18/8/2017	SLĐTBXH	CV về việc thực hiện một số nhiệm vụ sau kiểm tra công tác đào tạo nghề năm 2016.
219	131/QĐ-UBND	19/01/2017	UBND tỉnh	QĐ kiện toàn TCV giúp việc t/h QĐ số 1956/QĐ-TTg của TTCP tại tỉnh TN
220	592/SLĐ-DN	27/3/2017	SLĐTBXH	CV v/v hướng dẫn t/h đtn cho lđnt năm 2017
221	840/QĐ-BCĐ	13/4/2017	UBND tỉnh	QĐ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BCĐt/h QĐ số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của TTCP tga5i tỉnh TN
222	2343/KH-SLĐTBXH	18/10/2017	SLĐTBXH	KH việc kiểm tra công tác đào tạo nghề lao động nông thôn năm 2017.
223	2720/KH-BCĐ	01/12/2017	Ban Chỉ đạo	Kh kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề lao động nông thôn năm 2017.
224	915/QĐ-UBND	05/4/2018	UBND tỉnh	QĐ kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Tây Ninh.
225	1215/QĐ-UBND	07/5/2018	UBND tỉnh	QĐ Ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2018.
226	1179/KH-UBND	18/5/2018	UBND tỉnh	QĐ về việc tổ chức sơ kết 02 năm (2016-2017) công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.
227	1464/SLĐTBXH	02/7/2018	UBND tỉnh	CV thực hiện nội dung "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn" năm 2018
228	2142/KHLT-SLĐTBXH-HND	26/9/2018	SLĐTBXH-HND	KHLT về hoạt động tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn;
229	2211/KH-SLĐTBXH	04/10/2018	SLĐTBXH	Kh kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2018
230	2544/KH-BCĐ	15/11/2018	Ban chỉ đạo	KH việc kiểm tra công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018.
231	961/QĐ-UBND	25/4/2019	UBND tỉnh	QĐ giao dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 (Nguồn ngân sách trung ương).
232	1079 /QĐ-UBND	14/5/2019	UBND tỉnh	QĐ ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2019.
233	1344/QĐ-UBND	25/6/2019	UBND tỉnh	QĐ về việc giao dự toán có bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, TP.

DANH SÁCH CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ THIẾT BỊ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

(Kèm theo Báo cáo số: 298 /BC-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư	Giai đoạn 2011-2015 (Triệu đồng)	Giai đoạn 2016-2018 (Triệu đồng)	Năm 2019 (Triệu đồng)
1	Trường trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh	3.000	0	0
2	Trung tâm GDNN-GDTX Thành phố Tây Ninh	888	0	0
3	Trung tâm GDNN-GDTX Hòa Thành	888	0	2.000
4	Trung tâm GDNN-GDTX Châu Thành	888	0	0
5	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Biên	888	0	0
6	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Châu	888	0	0
7	Trung tâm GDNN-GDTX Dương Minh Châu	888	0	0
8	Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cầu	888	0	0
9	Trung tâm GDNN-GDTX Gò Dầu	888	0	0
10	Trung tâm GDNN-GDTX Trảng bàng	888	0	2.000
	Tổng cộng	**10.992**	**0**	**4.000**